

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/3/2018

"V/v Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY- TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Xê
2. Bà Lê Thị Trà Giang

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị B, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Thành B, địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 22/10/2017, bản tự khai ngày 14/11/2017 và biên bản hòa giải ngày 07/02/2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị B đều trình bày: Chị và anh B trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 16/6/1998. Vợ, chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ đó đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B thường xuyên uống rượu bê tha, gây gỗ, đánh đập vợ con. Vì thương con, chị đã chịu đựng bỏ qua nhiều lần để vun đắp xây dựng hạnh phúc nhưng anh B vẫn không có biến chuyển thay đổi mà đối xử với chị ngày càng thậm tệ hơn. Không chịu đựng nổi, chị đã bỏ về sống bên nhà bố mẹ đẻ của chị từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến ai nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh B.

Anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2018 và biên bản hòa giải ngày 07/02/2018, anh B trình bày: Về quá trình

yêu nhau và kết hôn như chị B trình bày anh hoàn toàn nhất trí. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh cho rằng là do giữa chị B với mẹ và 2 chị gái của anh có khúc mắc, xô xát nhau mà anh không phân giải được nên dẫn đến chị B và các con về sống bên nhà bố mẹ chị B. Anh thừa nhận anh có sai sót là không dàn xếp được chuyện gia đình và không về nhà bố mẹ vợ để thuyết phục vợ và các con quay trở lại, nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và xin được đoàn tụ.

Con chung: Chị B, anh B có 03 con chung: Hoàng Thị Mỹ L, sinh ngày 17/6/1999, Hoàng Thị L, sinh ngày 29/4/2002 và Hoàng Thành H, sinh ngày 22/02/2007. Nếu ly hôn, con đầu đã trưởng thành, anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con thứ hai và con thứ ba chưa trưởng thành chị B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con vì chị đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Anh B xin được đoàn tụ để cùng nhau nuôi con, nếu không đoàn tụ được mà phải ly hôn, anh cũng có nguyện vọng nuôi cả hai con, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con, nếu không được nuôi cả hai con anh xin nuôi một con, giao cho chị B nuôi một con, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Tài sản chung: Chị B, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Thành B đã được Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần cũng như triệu tập phiên tòa lần thứ hai được tổng đạt hợp lệ nhưng anh B chỉ có mặt một lần tại phiên hòa giải vào ngày 07/02/2018, còn lại các lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Nguyên đơn chị Võ Thị B yêu cầu ly hôn, và nuôi con:

Hội đồng xét xử thấy chị Võ Thị B và anh Hoàng Thành B đăng ký kết hôn với nhau ngày 16/6/1998 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Quảng Bình là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B rượu trà bê tha, không quan tâm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống chung cùng gia đình bố mẹ chồng nhưng anh không dàn xếp được những khúc mắc trong gia đình, dẫn đến vợ chồng ly tán. Anh B mong muốn được đoàn tụ nhưng từ khi chị B và các con về sống chung tại nhà của bố mẹ chị cho đến nay anh B cũng không có biện pháp gì để vợ chồng cải thiện, hàn gắn. Qua lần hòa giải ngày 07/02/2018 anh B trình bày: Anh vẫn còn tình cảm với chị B, Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để anh B có cơ hội níu kéo vợ con nhưng đến phiên hòa giải tiếp theo, chị B trình bày từ lần hòa giải trước đến nay, chị và anh B cũng không gặp nhau, anh B vắng mặt không có lý do nên mục đích hòa giải của Tòa án không đạt được. Qua đó thể hiện anh B cũng không quan tâm bảo vệ hạnh phúc gia đình và không tha thiết hàn gắn tình

cảm với chị B nữa. Chị B xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho hai bên ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung:

Chị B, anh B có ba con chung: Con đầu đã trưởng thành, chị B, anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Con thứ hai và con thứ ba, anh B, chị B đều có nguyện vọng nuôi cả hai con, nếu không được nuôi cả hai con, anh B xin nuôi một con. Xét về số con phải nuôi dưỡng là 2 con, lẽ ra mỗi người nuôi một con không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai là hợp lý nhưng cả hai con đều có nguyện vọng được ở với mẹ để được yên ổn và thuận lợi cho việc học tập, đồng thời chị B cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con nên cần chấp nhận giao cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con, không buộc anh B cấp dưỡng nuôi con vì chị B đủ khả năng, điều kiện nuôi con và không có yêu cầu là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tài sản chung: Chị B, anh B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Võ Thị B và anh Hoàng Thành B được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử giao cho chị Võ Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con Hoàng Thị L, sinh ngày 29/4/2002 và Hoàng Thành H, sinh ngày 22/02/2007. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị B đủ khả năng, điều kiện nuôi con và không yêu cầu. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số: 0001633 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy. Chị B đã nộp đủ án phí.

Chị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/3/2018, anh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- Tòa án tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Lệ Thủy;
- UBND xã Cam Thủy(để biết);
- Lưu: HS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trương Thị Nhàn